

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030, giai đoạn I từ 2022 - 2025

Căn cứ Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030, giai đoạn I từ 2022 - 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2030, giai đoạn I từ 2022 - 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, là hạt nhân, tế bào lành mạnh của xã hội, tổ ấm của mỗi người; là nơi nuôi dưỡng, bồi đắp nhân cách, lối sống tôn trọng đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc; phát huy, nhân rộng các giá trị tốt đẹp góp phần thúc đẩy phát triển bền vững đất nước.

2. Yêu cầu

Nâng cao trách nhiệm của gia đình dân tộc thiểu số về xây dựng gia đình hạnh phúc là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng, giáo dục nhân cách con người và lưu giữ các giá trị văn hóa của dân tộc; là nền tảng xây dựng xã hội hạnh phúc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Giáo dục xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển bền vững của toàn xã hội.

Đẩy mạnh giáo dục về văn hóa truyền thống dân tộc, chú trọng giáo dục giá trị gia đình; xây dựng nhân cách con người Việt Nam từ giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình.

Ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi để các gia đình nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, tiếp cận các giá trị tốt đẹp của nền văn hóa, văn minh nhân loại và các thành tựu của khoa học công nghệ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tuyên truyền, giáo dục và bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng cho gia đình người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh về xây dựng gia đình hạnh phúc, no ấm, tiến bộ, là hạt nhân, tế bào lành mạnh của xã hội, tổ ấm của mỗi người; là nơi nuôi dưỡng, bồi đắp nhân cách, lối sống tôn trọng đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc; phát huy, nhân rộng các giá trị tốt đẹp góp phần thúc đẩy phát triển bền vững đất nước; thực hiện bình đẳng giới trong gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình, phòng chống xâm hại trẻ em trong gia đình, ngăn ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống,

2. Mục tiêu cụ thể

- Đạt 80 - 90% cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh và huyện xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển gia đình vùng dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025.

- Đạt 90% các gia đình vùng dân tộc thiểu số và miền núi được bồi dưỡng và cung cấp thông tin, kiến thức về văn hóa ứng xử, kỹ năng giáo dục đạo đức, lối sống, truyền thống văn hóa dân tộc; phòng ngừa rủi ro, tệ nạn xã hội, bạo lực trong gia đình; đặc biệt quan tâm hộ gia đình chính sách, hộ nghèo và cận nghèo, gia đình dân tộc thiểu số.

- Đạt 80 - 90% các địa phương có mô hình về truyền thông, giáo dục về truyền thống dân tộc, truyền thống văn hóa, truyền thống gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cơ sở.

- Đạt 80 - 90% trưởng khóm, ấp, người có uy tín ở các xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống được đào tạo, bồi dưỡng nội dung về giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục hệ giá trị gia đình trong thời kỳ mới.

- Đạt 80 - 90% nam, nữ thanh niên vùng dân tộc thiểu số trước khi kết hôn được giáo dục, tư vấn về hôn nhân gia đình, kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

- Tăng cường chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển gia đình vùng dân tộc thiểu số và miền núi; cơ quan công tác dân tộc địa phương tích cực tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể trong công tác bồi dưỡng, giáo dục các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển gia đình.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, bồi dưỡng, giáo dục đạo đức lối sống, phòng ngừa tác động tiêu cực ảnh hưởng đến sự phát triển của gia đình, đặc biệt là các gia đình trẻ.

- Phổ biến các gương gia đình dân tộc thiểu số tiêu biểu về văn hóa gia đình, ứng xử chuẩn mực; trang bị, phổ biến kiến thức, kỹ năng để các gia đình chủ động phòng, chống sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội; giáo dục về Luật Hôn nhân và gia đình, kiến thức về bình đẳng giới, kế thừa và tiếp thu có chọn lọc những giá trị truyền thống văn hóa của các dân tộc thiểu số.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, đặc biệt dự án liên quan đến tảo hôn, bình đẳng giới, phụ nữ và trẻ em dân tộc thiểu số.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch bồi dưỡng, giáo dục hằng năm nhằm nâng cao nhận thức để xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân và gia đình; phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình, bảo vệ sự ổn định và phát triển của gia đình.

- Định kỳ hằng năm hướng dẫn, tổ chức chiến dịch truyền thông hưởng ứng ngày Quốc tế hạnh phúc (20/3), ngày Gia đình Việt Nam (28/6) và Tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình với nội dung thiết thực, phù hợp điều kiện thực tiễn nhằm tạo sự lan tỏa, hiệu ứng xã hội mạnh mẽ tôn vinh giá trị gia đình.

2. Giải pháp

- Nâng cao trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình; chung tay giảm thiểu, tiến tới chấm dứt tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết trong đồng bào vùng dân tộc thiểu số.

- Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, đãi ngộ cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình các cấp, các cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực gia đình, đặc biệt là phòng, chống bạo lực gia đình.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về: hôn nhân gia đình, tảo hôn, hôn nhân cận huyết; bình đẳng giới, nâng cao nhận thức để xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân và gia đình, phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình, bảo vệ sự ổn định và phát triển của gia đình cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc, giá trị gia đình; phát huy vai trò của ông, bà, cha mẹ trong giáo dục cho con cháu, tạo sự gắn kết, xây dựng nhân cách đạo đức, lối sống văn minh cho thế hệ trẻ thông qua sự phối hợp giáo dục từ gia đình, nhà trường và xã hội. Xây dựng gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình các cấp, cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ xã, trưởng khóm, ấp, người có uy tín.

- Thực hiện tuyên truyền trên báo, tạp chí, công thông tin điện tử của Ban Dân tộc các nội dung về nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng cho gia đình người DTTS về xây dựng hạnh phúc gia đình, thực hiện bình đẳng giới trong gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình và buôn bán phụ nữ, trẻ em dân tộc thiểu số; ngăn ngừa, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Thiết kế baner tuyên truyền băng rôn, khẩu hiệu hưởng ứng Kỷ niệm Ngày Gia đình Việt Nam (28/6) và Tháng hành động quốc gia phòng chống bạo lực gia đình, treo băng rôn, khẩu hiệu Ngày Gia đình Việt Nam và Tháng hành động quốc gia phòng chống bạo lực gia đình tại Trụ sở cơ quan.

- Tổ chức tọa đàm, giao lưu, biểu dương, khen thưởng những tấm gương gia đình tiêu biểu, hạnh phúc.

- Huy động nguồn lực đầu tư, xã hội hóa, huy động các cá nhân, tổ chức, cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ gia đình; chăm lo giúp đỡ, hỗ trợ gia đình chính sách, hộ nghèo và cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình dân tộc thiểu số, tạo điều kiện để các gia đình tiếp cận, thụ hưởng dịch vụ xã hội.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí dự kiến thực hiện cho giai đoạn 2022 - 2025 là: 3.628 triệu đồng (Phụ lục chi tiết kèm theo).

2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách của Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Lồng ghép kinh phí từ các chương trình, đề án liên quan theo quy định của pháp luật; huy động từ các nguồn vốn tài trợ, viện trợ; huy động từ xã hội, cộng đồng và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, là đầu mối phối hợp với các đơn vị trong việc tham mưu, chỉ đạo triển khai Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức bồi dưỡng, giáo dục nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng cho gia đình người dân tộc thiểu số về xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện bình đẳng giới trong gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập Kế hoạch, dự toán hằng năm thực hiện hoạt động triển khai Kế hoạch.

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu UBND tỉnh nguồn kinh phí để tổ chức thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Tài chính

Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với các Ban Dân tộc và các đơn vị có liên quan thẩm định kinh phí và tham mưu UBND tỉnh về nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch trên cơ sở lồng ghép với các chương trình, dự án và các nguồn hợp pháp khác theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố

Phối hợp triển khai các nội dung của Kế hoạch.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) để xem xét, giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở, ban, ngành, tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Website Văn phòng;
- Phòng: KGVX, TH
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Thư

PHỤ LỤC 1

Nội dung và kinh phí thực hiện "Chiến lược phát triển gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030, giai đoạn I từ 2022-2025"

(ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /5/2022)

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cả GD	Ghi chú
	Tổng kinh phí	907	907	907	907	3.628	
1	Tổ chức tập huấn và phổ biến giáo dục chính sách, pháp luật về: Luật hôn nhân gia đình, kiến thức về bình đẳng giới cho cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ xã, trưởng khóm, ấp, người uy tín.	307	307	307	307	1.228	12 lớp 1 năm, phụ lục 2
2	Bồi dưỡng, giáo dục và cung cấp thông tin, kiến thức về văn hóa ứng xử, kỹ năng giáo dục đạo đức, lối sống, truyền thống văn hóa dân tộc; phòng ngừa rủi ro, tệ nạn xã hội, bạo lực trong gia đình; đặc biệt quan tâm hộ gia đình chính sách, hộ nghèo và cận nghèo, gia đình dân tộc thiểu số	400	400	400	400	1.600	13 lớp 1 năm, phụ lục 3
3	Thực hiện tuyên truyền trên báo, tạp chí, công thông tin điện tử của Ban Dân tộc các nội dung về nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng cho gia đình người DTTS	100	100	100	100	400	
4	Thiết kế baner tuyên truyền băng rôn, khẩu hiệu hưởng ứng Kỷ niệm Ngày Gia đình Việt Nam (28/6) và Tháng hành động quốc gia phòng chống bạo lực gia đình, treo băng rôn, khẩu hiệu Ngày Gia đình Việt Nam và Tháng hành động quốc gia phòng chống bạo lực gia đình tại Trụ sở cơ quan	50	50	50	50	200	
5	Tổ chức tọa đàm, giao lưu, biểu dương, khen thưởng những tấm gương gia đình tiêu biểu, hạnh phúc	50	50	50	50	200	

PHỤ LỤC 2
DỰ TOÁN KINH PHÍ

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030, giai đoạn I từ 2022 – 2025
(ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /5/2022)

- Đối tượng: cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ xã, người hoạt động không chuyên trách, trưởng khóm, ấp, người uy tín.
- Thời gian: 1 ngày/lớp. 50 người/lớp.

Số TT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền (1 lớp)	Ghi chú
	Tổng cộng		25.608.000	
1	Chi thù lao báo cáo viên	<i>1.000.000 đồng/buổi x 2 buổi/ngày</i>	1.000.000	
2	Nước uống cho báo cáo viên, quản lý lớp	<i>20.000 đồng/buổi/người x 2 buổi x 2 người</i>	80.000	
3	Chi thuê xe chở báo cáo viên, quản lý lớp (địa phương), tài liệu		3.000.000	
4	Hỗ trợ tiền nghỉ cho học viên không hưởng lương	<i>30 người x 300.000 đ/người</i>	9.000.000	
5	Hỗ trợ tiền đi lại cho học viên không hưởng lương	<i>30 người x 50.000 đồng/ngày x 1 ngày</i>	1.500.000	
6	Chi thuê phòng học, âm thanh, trang thiết bị phục vụ học tập	<i>2.800.000 đồng/ngày x 1 ngày</i>	2.800.000	
7	Nước uống phục vụ lớp học	<i>20.000 đồng/buổi/người x 2 buổi x 50 người</i>	2.400.000	
8	Chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên		1.000.000	
9	Chi văn phòng phẩm in ấn tài liệu, thư mời, công văn triệu tập (giấy, bút, sơ mi, viết, hộp hồ sơ,...)		2.500.000	
10	Trích 10% từ kinh phí lớp học để chi cho kinh phí quản lý lớp		2.328.000	

PHỤ LỤC 3
DỰ TOÁN KINH PHÍ

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030, giai đoạn I từ 2022 – 2025
(ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /5/2022)

- Đối tượng: đồng bào dân tộc thiểu số
- Thời gian: 1 ngày/lớp. 50 người/lớp.

STT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền (1 lớp)	Ghi chú
	Tổng cộng		33.308.000	
1	Chi thù lao báo cáo viên	<i>1.000.000 đồng/buổi x 2 buổi/ngày</i>	1.000.000	
2	Nước uống cho báo cáo viên, quản lý lớp	<i>20.000 đồng/buổi/người x 2 buổi x 2 người</i>	80.000	
3	Chi thuê xe chở báo cáo viên, quản lý lớp (địa phương), tài liệu		3.000.000	
4	Hỗ trợ tiền nghỉ cho học viên không hưởng lương	<i>50 người x 300.000 đ/người</i>	15.000.000	
5	Hỗ trợ tiền đi lại cho học viên không hưởng lương	<i>50 người x 50.000 đồng/ngày x 1 ngày</i>	2.500.000	
6	Chi thuê phòng học, âm thanh, trang thiết bị phục vụ học tập	<i>2.800.000 đồng/ngày x 1 ngày</i>	2.800.000	
7	Nước uống phục vụ lớp học	<i>20.000 đồng/buổi/người x 2 buổi x 50 người</i>	2.400.000	
8	Chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên		1.000.000	
9	Chi văn phòng phẩm in ấn tài liệu, thư mời, công văn triệu tập (giấy, bút, sơ mi, viết, hộp hồ sơ,...)		2.500.000	
10	Trích 10% từ kinh phí lớp học để chi cho kinh phí quản lý lớp		3.028.000	